

Dự toán "Dự án nuôi ngựa bạch xã Bằng Hữu" thuộc Tiểu dự án 2, Dự án 3 Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024

(Kèm theo Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/6/2024 của UBND huyện Chi Lăng)

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)			Ghi Chú
					Tổng số	Ngân sách NN	Đối ứng của người dân	
	Tổng kinh phí thực hiện dự án				615.550.000	472.000.000	143.550.000	
I	Kinh phí mua giống, thức ăn, làm chuồng, thuốc thú y, phối giống				598.180.000	454.630.000	143.550.000	
1	Giống ngựa bạch sinh sản số lượng 11 con. - Khối lượng đạt từ 150-160 kg/con, (trọng lượng trung bình 155kg/con) ngựa từ 20 đến 24 tháng tuổi - Lông toàn thân màu trắng cước, da hồng nhuận, mắt màu trắng mây, xung quanh con ngươi có màu hồng lửa, móng chân có màu trắng ngà. - Đầu và cổ kết hợp cân đối và chắc chắn, tai dựng đứng về phía trước, linh hoạt, mắt to lồi và sáng. - Cơ quan sinh dục: Xương chậu rộng, bầu vú to, 2 núm vú dài to cân đối, tĩnh mạch vũ 2 bên sườn nổi rõ, âm hộ mẩy, ít nhăn, khép kín - Con giống được kiểm dịch và được tiêm phòng đầy đủ các loại vắc xin theo quy định,	kg	1705kg	270.000	460.350.000	454.630.000	5.720.000	Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 22/11/2022 của HĐND tỉnh Quy định một số mức hỗ trợ phát triển sản xuất từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội
2	Chuẩn bị chuồng trại	Cái	11	1.500.000	16.500.000		16.500.000	
3	Thức ăn ngô hạt (1kg/ngày x 11 con x 12 tháng) x 3 năm)	Kg	12045	8.000	96.360.000		96.360.000	
4	Thuốc sát trùng (11lọ/năm x 3 năm)	lọ	33	90.000	2.970.000		2.970.000	
5	Chi phí phối giống (11 con x 2 lần)	Lần	22	1.000.000	22.000.000		22.000.000	

II	Chi phí xây dựng và quản lý dự án				13.895.000	13.895.000	
1	Chứng thư thẩm định giá	Lần	1	5.400.000	5.400.000	5.400.000	Theo báo giá của nhà cung cấp CTTĐ
2	Chi phí lập hồ sơ mời thầu	Lần	1	2.000.000	2.000.000	2.000.000	Khoản 13, điều 4 thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ tài chính Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025
3	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu	Lần	1	2.000.000	2.000.000	2.000.000	
4	Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu	Lần	1	2.000.000	2.000.000	2.000.000	
5	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	Lần	1	2.000.000	2.000.000	2.000.000	
6	Chi phí đăng tải thông báo mời chào hàng là 165.000 đồng/gói thầu/thứ tiếng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng)	Lần	1	165.000	165.000	165.000	
7	Chi phí quản lý khác			330.000	330.000	330.000	
III	Chi tập huấn kỹ thuật (01 lớp x 11 người/lớp x 02 buổi)				3.475.000	3.475.000	
1	Hỗ trợ tiền ăn (40.000đ/buổi/người x 02 buổi)	Người	11	80.000	880.000	880.000	khoản 1 Điều 4 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025
2	Nước uống (10.000đ/buổi/người x 02 buổi)	Người	11	20.000	220.000	220.000	
3	Văn phòng phẩm (bút, vở, túi khuy, tài liệu..)	Người	11	25.000	275.000	275.000	
4	Giảng viên (01 người)	Buổi	2	800.000	1.600.000	1.600.000	
5	Ma ket	Cái	1	500.000	500.000	500.000	

(Sáu trăm mười năm triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng)